| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ B**<br>**TỈNH Đ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **13**/2023/HS-ST.
Ngày 10 - 01 - 2023.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH Đ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Dung.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Kim Chi.
Bà Thiều Thị Phi Loan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:*** Bà Điểu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 578/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 634/2022/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1971 tại Đ (có mặt).

Nơi cư trú: K2/78B, tổ 3, khu phố 1, phường B1, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H; sinh năm: 1934 (chết năm 2009) và bà Hứa Thị L; sinh năm: 1938 (chết năm 2002); vợ Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1970 (không đăng ký kết hôn); có 01 con sinh năm 2010 (chết năm 2010); tiền sự: không.

Tiền án:

Ngày 26/01/1989 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 05 (năm) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" (chưa được xóa án tích).

Ngày 20/02/1990 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 01 (một) năm tù về tội "Trốn khỏi nơi giam" (chưa được xóa án tích).

Ngày 18/01/1992 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 09 (chín) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân" và 01 (một) năm tù về tội "Trốn khỏi nơi giam". Tổng hợp hình phạt chung là 10 (mười) năm tù (chưa được xóa án tích).

Ngày 28/8/1992, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân" và 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa". Tổng hợp hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù giam và tổng hợp chung hình phạt của các bản án trước còn phải chấp hành là 18 năm 06 tháng 05

ngày, tính từ ngày 20/3/1991. Chấp hành xong hình phạt ngày 25/12/2008 (chưa được xóa án tích).

Ngày 30/3/2010, bị Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Đ xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Ngày 28/9/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt của bản án trước là 04 (bốn) năm tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 21/11/2013 (chưa được xóa án tích).

Ngày 28/8/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Ngày 27/11/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 (ba) năm tù về tội "Trốn khỏi nơi giam".

Ngày 30/12/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 (ba) năm tù về tội "Trốn khỏi nơi giam". Tổng hợp chung hình phạt của các bản án là 08 (tám) năm tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 08/3/2022.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 02/7/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Quang V**, sinh năm 1997 tại Đ (có mặt).

Nơi cư trú: 121/601, tổ 69, khu phố 4, phường T1, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: thợ sơn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S; sinh năm: 1972 và bà Nguyễn Thị Thu H2; sinh năm: 1974, sống chung như vợ chồng với Phạm Thị Thùy Tr, sinh năm 1999, chưa có con; tiền sự: không.

Tiền án:

Ngày 26/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Chấp hành xong hình phạt ngày 05/10/2020 (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

3/ Họ và tên: **Biện Thị Hằng N**, sinh năm 1975 tại Thanh Hóa (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: 156/55, tổ 2, khu phố 4, phường Tr1, thành phố B, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Số 22, khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Biện Trung T2, sinh năm: không rõ và bà Lưu Thị Ng; sinh năm: 1954; chồng Phạm Quốc H3, sinh năm 1968 (đã chết); có 03 con, lớn sinh 1994, sinh năm 1999 và nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/2022 Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

- *Các bị hại*:

1/ Chị **Bùi Thị Thanh Tr2**, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: 36/1, tổ 10B, khu phố Đ, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: 8/25, tổ 5, khu phố 1, phường B2, thành phố B, tỉnh Đ.

2/ Anh **Võ Tấn Tr3**, sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: 8/25, tổ 5, khu phố 1, phường B2, thành phố B, tỉnh Đ.

3/ Anh **Lê Phước Nh**, sinh năm 1998 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: 8/25, tổ 5, khu phố 1, phường B2, thành phố B, tỉnh Đ.

4/ Bà **Phạm Thị Tuyết Nh1**, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Chỗ ở hiện nay: 8/25, tổ 5, khu phố 1, phường B2, thành phố B, tỉnh Đ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 05/6/2022, Nguyễn Hoàng T được đối tượng tên Th (không rõ họ, địa chỉ) điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Wave, không rõ biển số chở đi đến khu vực phường B2, thành phố B, tỉnh Đ. Khi đi đến căn nhà số 8/25, tổ 5J, khu phố 1, phường B2, thành phố B, tỉnh Đ của chị Bùi Thị Thanh Tr2, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú 36/1, tổ 10B, khu phố Đ, phường A, thành phố B, thì cả hai phát hiện có xe mô tô để ở trước sân nhà, không có người trông coi nên Th rủ T trộm cắp để lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. T đứng ở ngoài cảnh giới, còn Th đột nhập vào sân nhà lấy trộm 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Nouvo, biển số 95H1 - 084.27 của Bùi Thị Thanh Tr2 đẩy ra ngoài. T điều khiển xe Wave đẩy Th ngồi trên xe Nouvo vừa trộm được đi đến lề đường trước số nhà 46B, tổ 15A, khu phố Bình Hóa, phường A, thành phố B, tỉnh Đ rồi để xe ở đây. Sau đó, Th và T tiếp tục quay lại nhà của chị Tr2. Tại đây, T đứng bên ngoài cảnh giới, còn Th đi vào bên trong trong mở cửa nhà kho, phát hiện bên trong có 04 (bốn) xe mô tô gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario số 60F3 - 663.11 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 60B8 - 855.62 của chị Bùi Thị Thanh Tr2, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 60F2 - 889.37 của anh Võ Tấn Tr3, sinh năm 1996, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 67H1- 630.51 của anh Lê Phước Nh, sinh năm 1998, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú số 8/25, tổ 5, khu phố 1, phường B2, thành phố B, tỉnh Đ nên Th lấy trộm 04 (bốn) chiếc xe này dắt ra ngoài. Sau đó, T điều khiển xe lần lượt đẩy Th ngồi trên 04 (bốn) chiếc xe vừa trộm cắp được mang đến nhà trọ của Biện Thị Hằng N, tại địa chỉ số 22, khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ rồi để xe ở đây. T và Th tiếp tục quay lại nhà của chị Tr2, phát hiện còn 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 60F2 - 178.36 của bà Phạm Thị Tuyết Nh1, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú khu phố 2, phường Q1, thành phố B, tỉnh Đ đang để ngoài sân, trên xe có cắm sẵn chìa khóa xe nên Th đi vào lấy rồi điều khiển xe tẩu thoát cùng với T. Khoảng 05 giờ cùng ngày, N ngủ dậy thấy trong sân nhà trọ của mình có 04 (bốn) xe mô tô, N biết đây là tài sản do T đem tới (vì trước đó T từng mang xe mô tô trộm cắp được đến nhà trọ của N cất giấu rồi mang tiêu thụ) nên N điện thoại cho T, thì T nói 04 (bốn)

chiếc xe trên do mình mang tới và nhờ N điện thoại cho Nguyễn Quang V để V mang các xe trên đi tiêu thụ, thì N đồng ý. Đồng thời, T cũng điện thoại cho V thông báo có 04 (bốn) xe mô tô vừa trộm cắp được đang để ở trước sân nhà trọ của N và kêu V đến lấy 04 (bốn) xe mô tô này đi bán, thì V đồng ý. Khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, V đến nhà N thấy có 04 (bốn) xe mô tô do T trộm cắp mà có đang để ở đây. V lấy 02 (hai) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 60F2 - 889.37 và 67H1 – 630.51 đem về tại chỗ ở địa chỉ: nhà không số, tổ 5, khu phố 4, phường Th1, thành phố B, tỉnh Đ và liên hệ với đối tượng tên T4 (không rõ họ, địa chỉ) để chào bán nhưng chưa bán được thì Nguyễn Quang V, Biện Thị Hằng N bị phát hiện, còn Nguyễn Hoàng T bỏ trốn, đến ngày 02/7/2022, T đến Công an thành phố B để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng vụ án:

+ 01 (một) xe mô tô biển số 60B8 – 855.62, nhãn hiệu Yamaha Exciter; 01 (một) xe mô tô biển số 60F3 – 663.11, nhãn hiệu Honda Vario, là tài sản của chị Bùi Thị Thanh Tr2, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho chị Bùi Thị Thanh Tr2.

+ 01 (một) xe mô tô biển số 60F2 – 889.37, nhãn hiệu Honda Vario, là tài sản của anh Võ Tấn Tr3 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 67H1 – 630.51 của anh Lê Phước Nh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho anh cho anh Tr3 và anh Nh.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Nouvo, biển số 95H1 - 084.27, là tài sản của chị Bùi Thị Thanh Tr2. Sau khi lấy trộm, Th và T đã mang xe trên bỏ ở bên lề đường trước nhà số 46B, tổ 15A, khu phố Bình Hóa, phường A, thành phố B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tiến hành xác minh, truy tìm vật chứng nhưng chưa tìm được.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 60F2 - 178.36 là tài sản của bà Phạm Thị Tuyết Nh1. Sau khi lấy trộm, đối tượng tên Th (không rõ họ, địa chỉ) đã mang xe đi. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tiến hành xác minh nhưng đến nay chưa làm việc được với Th nên chưa thu hồi được.

+ 01 (một) ổ khóa hình trụ 08 x 08 cm, là tài sản của chị Bùi Thị Thanh Tr2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị Tr2.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A30 của bị cáo Biện Thị Hằng N; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8 của bị cáo Nguyễn Quang V được sử dụng vào việc trao đổi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

+ 01 (một) xe mô tô không biển số, nhãn hiệu Shark, màu nâu, số máy: VMVVBADO19568, số khung: RLGBA12AD019568. Qua xác minh không xác định được chủ sở hữu đứng tên đăng ký xe.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 214/KL – HĐĐGTS ngày 07/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: "01 (một) xe mô tô biển số 60B8 – 855.62, nhãn hiệu Yamaha Exciter; 01 (một) xe mô tô biển số 60F3 – 663.11, nhãn hiệu Honda Vario; 01 (một) xe mô tô biển số 60F2 – 889.37, nhãn hiệu Honda Vario; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 67H1 – 630.51 có tổng giá trị tài sản định giá là 145.830.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 1356/KL – HĐĐGTS ngày 10/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: "01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Nouvo, biển số 95H1- 084.27 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 60F2 -178.36 có tổng giá trị tài sản định giá là 35.292.000 đồng (Ba mươi lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Về dân sự: Các bị hại chị Bùi Thị Thanh Tr2, anh Võ Tấn Tr3, anh Lê Phước Nh đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bà Phạm Thị Tuyết Nh1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường số tiền 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng). Hiện bị cáo Nguyễn Hoàng T chưa bồi thường.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Nouvo, biển số 95H1 – 084.27, chưa thu hồi được, có giá trị không cao nên bị hại Bùi Thị Thanh Tr2 không yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số: 604/CT-VKSBH ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Quang V, Biện Thị Hằng N về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù đến 05 (năm) năm tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Quang V trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Quang V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Quang V quanh co chối tội, không thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo, bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Quang V. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự; điểm h khoản 1 Điều

52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang V từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Biện Thị Hằng N từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường cho bị hại bà Phạm Thị Tuyết Nh1 theo quy định pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A30 của bị cáo Biện Thị Hằng N và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8 của bị cáo Nguyễn Quang V được sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Hoàng T: Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Quang V: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Biện Thị Hằng N: Bị cáo rất hối hận về việc bị cáo đã làm, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của các bị hại, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 05/6/2022 tại nhà số 8/25, tổ 5J, khu phố 1, phường B2, thành phố B, tỉnh Đ, bị cáo Nguyễn Hoàng T và đối tượng tên Th (chưa rõ họ, địa chỉ) có hành vi trộm cắp 06 (sáu) xe mô tô gồm: 01 (một) xe mô tô biển số 60B8 – 855.62, nhãn hiệu Yamaha Exciter; 01 (một) xe mô tô biển số 60F3 – 663.11,

nhãn hiệu Honda Vario; 01 (một) xe mô tô biển số 60F2 – 889.37, nhãn hiệu Honda Vario; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 67H1 – 630.51; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Nouvo, biển số 95H1- 084.27 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 60F2 -178.36 có tổng giá trị định giá tài sản là 181.122.000 đồng (Một trăm tám mươi mốt triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng) của các bị hại chị Bùi Thị Thanh Tr2, anh Võ Tấn Tr3, anh Lê Phước Nh và bà Phạm Thị Tuyết Nh1. Sau khi lấy trộm tài sản, bị cáo T đã giao cho bị cáo Biện Thị Hằng N và bị cáo Nguyễn Quang V 04 (bốn) xe mô tô gồm xe mô tô biển số 60B8 – 855.62, biển số 60F3 – 663.11; biển số 60F2 – 889.37 và biển số 67H1 – 630.51 có tổng giá trị định giá là 145.830.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) để bị cáo Ng và bị cáo V mang đi tiêu thụ lấy tiền tiêu xài. Mặc dù biết rõ các tài sản này do bị cáo T phạm tội mà có nhưng các bị cáo Ng và V vẫn đồng ý nhận để tiêu thụ. Do đó, các bị cáo Nguyễn Hoàng T, bị cáo Nguyễn Quang V và bị cáo Biện Thị Hằng N khởi tố, điều tra và xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 214/KL – HĐĐGTS ngày 07/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: "01 (một) xe mô tô biển số 60B8 – 855.62, nhãn hiệu Yamaha Exciter; 01 (một) xe mô tô biển số 60F3 – 663.11, nhãn hiệu Honda Vario; 01 (một) xe mô tô biển số 60F2 – 889.37, nhãn hiệu Honda Vario; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 67H1 – 630.51 có tổng giá trị tài sản định giá là 145.830.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 1356/KL – HĐĐGTS ngày 10/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: "01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Nouvo, biển số 95H1- 084.27 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 60F2 -178.36 có tổng giá trị tài sản định giá là 35.292.000 đồng (Ba mươi lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Quang V, Biện Thị Hằng N đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sở hữu tài sản của công dân. Nên cần có một mức án nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T: không.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quang V: Ngày 26/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 05/10/2020, chưa được xóa án tích nên thộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quang V quanh co chối tội, không thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo, bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Quang V.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Biện Thị Hằng N: không.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình điều tra bà Phạm Thị Tuyết Nh1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường số tiền 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng). Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hoàng T đồng ý bồi thường cho bà Phạm Thị Tuyết Nh1 số tiền 34.000.000đồng (Ba mươi tư triệu đồng). Nên ghi nhận.

Các bị hại chị Bùi Thị Thanh Tr2, anh Võ Tấn Tr3, anh Lê Phước Nh đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Samsung A30, số seri 35486810068811 của bị cáo Biện Thị Hằng N và 01 (một) điện thoại di động Samsung J8, số seri 35905109019146 của bị cáo Nguyễn Quang V được sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. (Cả hai điện thoại đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ).

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu 1.700.000đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Trong quá trình điều tra, các bị cáo còn khai nhận khoảng 04 giờ ngày 03/6/2022, đối tượng tên Th nhờ bị cáo T mang 03 (ba) xe mô tô hiệu Jupiter, Wave, Shark không rõ biển số để nhờ bị cáo T mang đi tiêu thụ. Bị cáo T đã mang 03 (ba) xe mô tô này đến nhà của bị cáo Ng, rồi nhờ bị cáo V đem đi tiêu thụ. Bị cáo V đã giúp bị cáo T bán 01 (một) xe Jupiter và 01 (một) xe Wave cho 01 người tên T4 (không rõ lai lịch được số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), còn 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Shark, bị cáo V mua lại của bị cáo T với số tiền 2.500.000 đồng (hiện cơ quan điều tra đã thu giữ xe trên). Sau đó bị cáo T cho các bị cáo N và V mỗi người 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền bán xe, bị cáo T lấy 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và giao cho Th số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Hiện cơ quan điều tra chưa xác định và làm việc được với đối tượng Th, đồng thời chưa xác định được các bị hại bị mất các tài sản trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ 01 (một) xe mô tô không biển số, nhãn hiệu Shark, màu nâu, số máy: VMVVBADO19568, số khung: RLGBA12AD019568 để xác minh, làm rõ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Các bị cáo Nguyễn Quang V, Biện Thị Hằng N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng các điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/7/2022.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang V 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2022.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Biện Thị Hằng N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày 05/6/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường cho bà Phạm Thị Tuyết Nh1 số tiền 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Samsung A30, số seri 35486810068811 của bị cáo Biện Thị Hằng N và 01 (một) điện thoại di động Samsung J8, số seri 35905109019146 của bị cáo Nguyễn Quang V được sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. (Cả hai điện thoại đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu 1.700.000đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. B (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (3);
- Bị hại (4);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**